

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST
Ngày 29-01-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhung và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị H; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Anh Lương Văn Th; Sinh năm 1994; Nơi cư trú: Bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Hiện đang cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội (Địa chỉ: Thôn XD, xã TM, huyện S, thành phố Hà Nội).

(Chị H có mặt, anh Th vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và lời khai ngày 08/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn Nhân: Chị Quàng Thị H và anh Lương Văn Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên ngày 21/10/2014. Chị H và anh Th kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, anh Th không quan tâm đến gia đình, nhiều lần còn

đánh đập chị H, bản thân anh Th còn sử dụng ma túy, chị H cùng với gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Chị H đã sống ly thân với anh Th được hơn hai năm, từ khi sống ly thân giữa chị H với anh Th không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay chị H xác định tình cảm giữa chị với anh Th không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 01 con chung là Lường Bảo Ch, sinh ngày 23/01/2014. Hiện tại cháu Ch đang ở cùng với chị H ở bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ch đến khi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện TG đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lường Văn Th qua đường bưu điện, đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án và cùng các tài liệu chứng cứ cho anh Lường Văn Th tại Nhà văn hoá bản K, Trụ sở UBND xã CS và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG.

Ngày 12/10/2020, Tòa án xác minh thông tin của ông Lò Văn Đ (Trưởng bản K, xã CS) và bà Tao Thị V (Hội trưởng hội phụ nữ bản K) về sự vắng mặt của anh Th, tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con giữa anh Th và chị H. Ông Đ, bà V đều cho biết: Hiện tại anh Th đang đi làm thuê, thỉnh thoảng mới về, nhưng từ tháng 9 đến nay chưa thấy anh Th về nhà. Trong quá trình chung sống anh Th và chị H xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Th không chịu khó làm ăn, bản thân anh Th còn sử dụng ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, to tiếng tại bản, nhiều lần anh Th còn đánh chị H. Chị H và anh Th hiện nay đã sống ly thân được hai năm nay. Chị H và anh Th có 01 con chung là cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 23/01/2014, cháu Ch đang ở với chị H. Chị H ngoài làm nông nghiệp còn chịu khó đi làm thuê có thu nhập ổn định đảm bảo được điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Cùng ngày 12/10/2020, Tòa án tiến hành xác minh thông tin của ông Tòng Văn Kh, Trưởng Công an xã CS, huyện TG. Ông Kh cho biết: Anh Lường Văn Th là công dân có hộ khẩu trú tại bản K, xã CS Hiện tại anh Th đang đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội có địa chỉ tại: Thôn XD, xã TM, huyện S, thành phố Hà Nội.

Ngày 16/11/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 03/2020/QĐ-UTTA gửi cho Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội để tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho anh Th, cho anh Th viết tự khai và đồng thời giao các tài liệu chứng cứ mà chị H đã giao nộp cho anh Th tại nơi anh Th đang cai nghiện.

Ngày 28/12/2020 Tòa án nhân dân huyện TG nhận được kết quả ủy thác của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội thể hiện anh Th đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo kết quả ủy thác. Đồng thời anh Th cũng giao cho Tòa án một bản tự khai ghi ý kiến của mình về các nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2020 mà anh Th đã giao nộp cho Tòa án, bị đơn anh Lường Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lường Văn Th công nhận anh và chị H đăng ký kết hôn ngày 21/01/2014 tại UBND xã CS, huyện TG. Anh và chị H kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh Th cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến tháng 6/2018 nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi vã, bản thân anh do bản bè lười kéo dẫn đến nghiện ma túy và hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội. Từ khi anh Th đi cai nghiện giữa anh với chị H cũng không còn thăm hỏi gì đến nhau, nay chị H xin ly hôn anh Th đồng ý.

Về con chung: Anh Th cũng thừa nhận, anh và chị H có 01 con chung là Lường Bảo Ch, sinh ngày 23/01/2014. Do anh đang cai nghiện ma túy nên khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Anh Th khai anh đã nhận được tài liệu chứng cứ gồm: 01 đơn khởi kiện, 01 bản sao chứng thực sổ hộ khẩu gia đình mang tên Quảng Thị H, 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn, 01 bản sao chứng thực Chứng minh thư nhân dân mang tên Quảng Thị H, 01 bản sao chứng thực giấy khai sinh mang tên Lường Bảo Ch, 01 đơn miễn án phí của Quảng Thị H, 01 đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ. Anh Th không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ chị H giao nộp.

Về đơn đề nghị xin vắng mặt: Anh Th đề nghị do hiện nay đang cai nghiện nên không thể tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử tại Tòa án nhân dân huyện TG được nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Th, mọi ý kiến anh Th đã trình bày trong bản tự khai không có ý kiến gì khác.

Ngày 31/12/2020 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Do anh Th đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện số 6 Hà Nội nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và làm thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật cho anh Lường Văn Th. Chị H cũng đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11/01/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Th xin xét xử vắng mặt do đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện số 6 Hà Nội. Căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lường Văn Th.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện và không có ý kiến bổ sung. Anh Th xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai không có ý kiến nào khác gửi thêm cho Tòa án.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa cơ bản đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; *Về con chung:* Căn cứ Điều 58, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 23/01/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động; *Về quan hệ tài sản:* Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Quàng Thị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lường Văn Th và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lường Văn Th có hộ khẩu thường trú tại bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Quàng Thị H và anh Lường Văn Th kết hôn ngày 21/01/2014, ngày Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chưa có hiệu lực nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 29/01/2021 Tòa án nhân dân

huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Chị H có mặt, anh Th vắng mặt có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị H và anh Lương Văn Th kết hôn ngày 21/01/2014, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị H và anh Th đều khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị H và anh Th là hợp pháp. Chị H có đơn xin ly hôn với anh Th là do bất đồng trong quan điểm sống, anh Th không quan tâm đến gia đình, nhiều lần còn đánh đập chị H, bản thân anh Th còn sử dụng ma túy, chị H cùng với gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Chị H đã sống ly thân với anh Th được hơn hai năm nay, từ khi sống ly thân và trong thời gian anh Th đi cai nghiện, giữa chị H với anh Th không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Chị H xác định tình cảm giữa chị với anh Th không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Anh Th cũng thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bản thân anh Th nghiện ma túy và hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội, nay chị H xin ly hôn anh Th đồng ý. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 09/10/2020 chính quyền địa phương cũng thừa nhận nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Th không chịu khó làm ăn, bản thân anh Th còn sử dụng ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, to tiếng tại bản, nhiều lần anh Th còn đánh chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, do anh Th nghiện ma túy đang phải đi cai nghiện. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và trong thời gian anh Th đi cai nghiện giữa chị H với anh Th cũng không thường xuyên đi lại hay điện thoại thăm hỏi đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Th cũng nhất trí ly hôn sau khi được Tòa án thông báo về việc chị H xin ly hôn với anh. Chị H cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì chị xác định không còn tình cảm với anh Th, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Th. Do đó việc chị H xin ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Quàng Thị H được ly hôn với anh Lương Văn Th.

[6]. Về con chung: Chị H và anh Th đều thừa nhận có 01 con chung là Lương Bảo Ch, sinh ngày 23/01/2014. Hiện cháu Ch ở cùng với chị H ở bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng ly hôn chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do anh Th đang cai nghiện nên khi ly hôn anh Th cũng nhất trí giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 09/10/2020 chính quyền địa phương cũng xác nhận hiện cháu Ch ở cùng với chị H, chị H ngoài làm nông nghiệp còn đi làm thuê để có thêm thu nhập. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2020 chị H khai ngoài làm nông nghiệp chị còn đi làm thuê thu nhập một

tháng khoảng 6 triệu đến 7 triệu đồng, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung. Như vậy, xét đề nghị của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với ý kiến đề nghị của anh Th và ý kiến của chính quyền địa phương. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Ch, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Ch cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng, anh Th cũng có ý kiến do đang phải cai nghiện nên anh không cấp dưỡng nuôi con do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị H và anh Th không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị H là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản K, xã CS, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị H được miễn án phí DSST.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Quảng Thị H được ly hôn với bị đơn anh Lương Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Bảo Ch, sinh ngày 23/01/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lường Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lường Văn Th lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ cho vay: Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2021). Anh Lường Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã CS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

